TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **176** /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-12-2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Linh Thị Ngọc Thạch

2. Ông Nguyễn Xuân Tùng

- *Thký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Châu Loan - Thký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Lý- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 710/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 22/21 đường 13, khu phố 4, phường L, T phố T, T phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Th, sinh năm: 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 199/9 đường Ngô Q, khu phố 4, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Trên cơ sở tự nguyện, ông và bà Trần Thị Th chung sống với nhau từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn. Trước đó cả hai chưa ai có vợ có chồng.

Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi nhau, ông bà đã cố gắng để vợ chồng có thể hiểu nhau, chung sống với nhau nhưng không có kết quả dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng căng thẳng, vợ chồng không có

tiếng nói chung nên không còn chung sống với nhau từ năm 1995 đến nay. Từ đó vợ chồng không quan tâm đến nhau, không chăm sóc nhau, cuộc sống ai người đó lo. Nay ông Nguyễn Văn T cảm thấy cuộc sống hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa ông và bà Trần Thị Th.

Về con chung: Ông bà có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Chí C, sinh ngày: 26/12/1989. Hiện nay con chung đã trưởng T và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông trình bày không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông bà không có nợ chung.

- *Bị đơn bà Trần Thị Th trình bày*: Ông bà tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng sống hay cãi nhau, không có hạnh phúc nên không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 1995 đến nay. Nay ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án không công nhận giữa bà và ông T là vợ chồng thì bà đồng ý.

Về con chung: Bà thống nhất vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Chí C, sinh ngày: 26/12/1989 như ông T trình bày. Hiện nay con chung đã trưởng T và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà trình bày không có tài sản chung

Về nợ chung: ông bà không có nợ chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng tư khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng là ông T, bà Thđã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Ông T, bà Thcó đơn xin giải quyết vắng mặt do bận công việc, nên xét xử vắng mặt ông T, bà Thlà phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa ông T, bà Th là vợ chồng; về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Chí C, sinh năm 1989 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên đề nghị không giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: ông bà khai không có, nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Ông Nguyễn Văn T khởi kiện bà Trần Thị Th về việc "Ly hôn". Do đó, quan hệ pháp luật là "*Ly hôn"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là bà Trần Thị Th có nơi cư trú tại khu phố 4, thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn T khởi kiện bà Trần Thị Th, nên xác định ông T là nguyên đơn, bà Th là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà Thlà phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: Ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Th tự do tìm hiểu, tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 cho đến năm 1995 nhưng chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam. Tại thời điểm chung sống cả hai có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn do đó "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*" . Như vậy, việc kết hôn của ông T, bà Th đã không tuân thủ theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam nên không có giá trị về mặt pháp lý. Nay ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án không công nhận giữa ông và bà Trần Thị Th là vợ chồng. Bà Th cũng xác định là không còn tình cảm, không có cơ hội hàn gắn với ông T và đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T về việc không công nhận vợ chồng giữa bà và ông T nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Căn cứ Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Th là vợ chồng.

[5] Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Chí C đã trưởng T tự lao động sinh sống được, nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự trình bày không có tài sản chung nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

[7] Về án phí: Ông T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 9, 14, 15 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Th.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Th có 01 con chung tên Nguyễn Chí C, sinh năm 1986 đã trưởng T nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007011 ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc. Ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Th được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hải